

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỚI VIỆC NHẬN THỨC CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

★ GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Chủ nghĩa Mác - Lênin là một bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời cũng là cơ sở lý luận cho việc nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở Việt Nam. Bài viết phân tích những nội dung cốt yếu nhất thể hiện vai trò của Chủ nghĩa Mác - Lênin đối với việc nhận thức con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

● **Từ khóa:** Chủ nghĩa Mác - Lênin; con đường đi lên CNXH; nhận thức.

1. Mở đầu

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã luận giải khoa học về tính tất yếu khách quan của CNXH và con đường đi lên CNXH, dựa trên cơ sở hoàn toàn khách quan, bắt nguồn từ sự phát triển của lực lượng sản xuất. Các nhà kinh điển Mác - Lênin cũng nhấn mạnh tính đặc thù của xây dựng CNXH trong từng điều kiện lịch sử cụ thể ở mỗi quốc gia dân tộc. Đây là cơ sở lý luận cho sự nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam trong vận dụng vào việc xây dựng CNXH.

2. Nội dung

Vai trò cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin cho việc nhận thức con đường đi lên CNXH ở Việt Nam thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

Một là, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở, căn cứ lý luận xác định đi lên CNXH là tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam.

Chính chủ nghĩa Mác - Lênin cùng thực

tiền lịch sử nhân loại đã chứng tỏ, xã hội xã hội chủ nghĩa ra đời dù rất khó khăn, phức tạp nhưng nhất định sẽ thắng lợi. Đó là quy luật khách quan tất yếu của lịch sử. Chế độ chiếm hữu nô lệ tồn tại gần 20 thế kỷ nhưng cuối cùng vẫn phải nhường chỗ cho chế độ phong kiến ra đời; chế độ phong kiến rồi cũng phải nhường chỗ cho chủ nghĩa tư bản: “Xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong, không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi”¹.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã phân tích phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và chỉ ra rất rõ rằng, “cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của

nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau²². Nghĩa là sự ra đời cũng như sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản là một tất yếu khách quan ngang như nhau và do tất yếu kinh tế quy định. Chính từ việc tổng kết thực tiễn lịch sử phát triển của nhân loại cùng với trên cơ sở nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã vững tin khẳng định: “*Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*”²³. Cũng trên cơ sở lý luận ấy và căn cứ vào tổng kết thực tiễn cách mạng thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đi đến kết luận khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”²⁴. Trên cơ sở đó, ngay từ *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* (tháng 10-1930) đã xác định cách mạng Việt Nam bao gồm hai giai đoạn: *cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa* và đến Cương lĩnh 2011 (bổ sung, phát triển) cũng xác định rõ “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”²⁵. Như vậy, Chủ nghĩa Mác - Lênin cùng tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở, căn cứ lý luận xác định đi lên CNXH

là quy luật tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam.

Hai là, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở, căn cứ lý luận giúp Đảng ta xử lý tốt quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù trên con đường đi lên CNXH.

Ngay từ năm 1845-1846, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhắc nhở: “Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một *ý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là do những tiền đề hiện đang tồn tại đẻ ra”²⁶. Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*, viết năm 1872, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: “Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong “Tuyên ngôn” này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay trong “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do vậy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II”²⁷. Trong tác phẩm *Cương lĩnh của chúng ta*, V.I.Lênin đã chỉ ra cho những người cộng sản nói chung, những người cộng sản Nga nói riêng: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa lý luận của Mác, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với



Tranh vẽ cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh của tác giả Nguyễn Đức Nùng

cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý *chỉ đạo* chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, *xét riêng từng nơi*, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga”⁸. Hơn nữa, Người còn chỉ rõ: “Từ chủ nghĩa đế quốc ngày nay chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày mai, nhân loại cũng sẽ trải qua những con đường có muôn màu muôn vẻ như thế. Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã

hội”⁹. Trong tác phẩm *Bệnh đau trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản*, V.I.Lênin yêu cầu, “Chừng nào mà giữa các dân tộc và các nước vẫn còn những sự khác nhau về dân tộc và về chế độ nhà nước, thì chừng đó, sự thống nhất sách lược quốc tế của phong trào công nhân cộng sản tất cả các nước vẫn không đòi hỏi phải xóa bỏ mọi màu sắc khác nhau, vẫn không đòi hỏi phải thủ tiêu mọi sự khác nhau về dân tộc... mà nó đòi hỏi phải áp dụng những nguyên tắc *cơ bản* của chủ nghĩa cộng sản (Chính quyền xô-viết và chuyên chính vô sản) sao cho những nguyên tắc ấy được *cải biến đúng đắn trong những vấn đề chi tiết*, được làm cho phù hợp, cho thích hợp với những đặc điểm dân tộc và đặc điểm nhà nước dân tộc”¹⁰. Trên cơ sở những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh trong “*Bài Nói chuyện tại lớp hướng dẫn giáo viên cấp 2, cấp 3 và Hội nghị sư phạm*,” đã chỉ rõ, “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác,

có lịch sử địa lý khác. Các cô, các chú có thảo luận về Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XX không? Đại hội đã chỉ cho ta thấy ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”¹¹. Như vậy là, Hồ Chủ tịch cũng xuất phát từ điều kiện địa lý, lịch sử, phong tục, tập quán của Việt Nam khác Liên Xô để thấy ta có thể đi con đường khác để lên CNXH. Tất nhiên, khác ở đây không khác về bản chất mà khác về cách thức, con đường, biện pháp đi lên CNXH.

Dựa trên những chỉ dẫn quan trọng này của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đúng con đường đi lên CNXH phù hợp thực tiễn Việt Nam. Quá

trình xây dựng CNXH ở nước ta không được thực hiện đồng thời cùng một thời điểm ở hai miền của đất nước và tiếp tục bị gián đoạn do các cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Đã vậy, chúng ta lại xuất phát từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến lạc hậu. Do đó, quá trình xây dựng CNXH ở nước ta phải tất yếu thực hiện đồng thời các nhiệm vụ: vừa xây dựng CNXH, vừa bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; vừa cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam vừa xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước. Chỉ từ sau 1975, cả nước đi lên CNXH. Trong giai đoạn 1975-1985, chúng ta mắc một số sai lầm, nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong xây dựng CNXH. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã thực hiện đổi

mới toàn diện công cuộc xây dựng CNXH vào năm 1986.

Ba là, Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở, căn cứ lý luận giúp Đảng ta xác định đúng nội hàm bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa trên con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin, cụ thể là trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gotha*, C.Mác chỉ ra rằng: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một

thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*”¹².

V.I.Lênin cũng khẳng định rằng, “Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu”¹³. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhất là tư tưởng chủ quan, nóng vội trong nhận thức về thời kỳ quá độ, nên chúng ta chưa lường hết được *tính chất phức tạp, khó khăn và lâu dài* của thời kỳ quá độ lên CNXH. Thậm chí, đã có lúc chúng ta quan niệm đơn

giản cho rằng thời kỳ quá độ chỉ là một khoảng thời gian của vài kế hoạch 5 năm. Từ tổng kết kinh nghiệm xây dựng CNXH của những nước xã hội chủ nghĩa trước đây, cũng như từ kinh nghiệm của bản thân chúng ta và đặc biệt quay trở về với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta đã nhận thức lại về thời kỳ quá độ nói chung, về quá độ bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa. Bởi lẽ, chúng ta hiểu rằng với những nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, việc thực hiện quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH vốn đã rất khó khăn và phức tạp, thì đối với các nước lạc hậu, nửa thuộc địa, nửa phong kiến, chưa qua chế độ tư bản chủ nghĩa như Việt Nam đi lên CNXH thì *tính phức tạp và sự khó khăn còn lớn gấp nhiều phần*. Trên cơ sở những nhận thức mới đó, Cương lĩnh 2011 (bổ sung, phát triển) đã xác định rất đúng rằng, “Đây là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”¹⁴. Quan niệm này đã vượt bỏ được tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí trong xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Đồng thời, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tổng kết thực tiễn, Đảng ta đã nhận thức lại vấn đề *quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa*. Trước đổi mới, Đảng ta xác định quá độ lên CNXH ở nước ta là sự “*quá độ gián tiếp*”, nghĩa là “*bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*”. Trong công cuộc đổi mới, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ *quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991) đã sử dụng cụm từ “bỏ qua chế độ tư bản” và xác định:

“Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp”¹⁵. Đến Đại hội IX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra cụ thể hơn: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”¹⁶. Hay nói như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển”¹⁷. Đây là bước phát triển quan trọng của lý luận về con đường lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bốn là, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở, căn cứ lý luận giúp Đảng ta xác định rõ mô hình CNXH Việt Nam.

Trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, Đảng ta đã từng bước hoàn thiện lý luận về mô hình CNXH Việt Nam. Ngay từ những năm 90 của thế kỷ XX, khi mà Liên Xô đang tiến hành cải tổ, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc rằng, phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xây dựng

mô hình CNXH Việt Nam do người Việt Nam thiết kế, người Việt Nam thi công trên mảnh đất thực tiễn Việt Nam. Ban đầu, mô hình CNXH Việt Nam được trình bày trong *Cương lĩnh 1991*, thông qua tại Đại hội VII (6/1991), mới có 6 đặc trưng bản chất, 7 phương hướng xây dựng. Tổng kết 20 năm thực hiện *Cương lĩnh 1991*, 25 năm đổi mới, Đảng ta đã khắc phục những nhận thức chưa đầy đủ trước đổi mới về CNXH, bổ sung, phát triển mô hình CNXH Việt Nam tại *Cương lĩnh 2011*, được thông qua tại Đại hội XI (1/2011) với 8 bản chất đặc trưng, 8 phương hướng lớn và 8 quan hệ lớn cần giải quyết. Đại hội XII (1/2016) hoàn chỉnh quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” thành quan hệ “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa”, đồng thời bổ sung thêm quan hệ mới là quan hệ “giữa Nhà nước và thị trường”¹⁸. Nghị quyết Trung ương năm khóa XII (6/2017) đã bổ sung quan hệ “giữa Nhà nước và thị trường” thành quan hệ “Nhà nước, thị trường và xã hội”. Tổng kết 10 năm nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn, Đại hội XIII (1/2021) của Đảng đã điều chỉnh “quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển” thành “quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển”, đồng thời bổ sung thêm quan hệ lớn thứ mười là quan hệ “giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”¹⁹. Đây là những quan hệ phản ánh những vấn đề lý luận và thực tiễn mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam. Nghĩa là mô hình CNXH Việt Nam và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng được hoàn thiện qua các kỳ Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới.

Năm là, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở, căn cứ lý luận giúp Đảng ta xác định kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường tối ưu để xây dựng cơ sở kinh tế của CNXH Việt Nam.

Đúng như đồng chí cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định, đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng²⁰. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. “Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”²¹. Đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là có nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế, trong đó, “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”²².

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là mô hình kinh tế rất đặc biệt, vừa tuân theo các quy luật của thị trường, vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc của CNXH về các mặt sở hữu tư liệu sản xuất,

tổ chức quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm của quan hệ sản xuất. Đặc biệt có sự gắn kết giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng chính sách và từng bước phát triển. Đây cũng chính là đặc trưng định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Sáu là, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở, căn cứ lý luận giúp Đảng ta xác định nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là hình thức nhà nước tối ưu thực hiện quyền lực của nhân dân trong quá trình đi lên CNXH ở Việt Nam.

Dựa trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta nhận thức rõ nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là hình thức nhà nước tối ưu thực hiện quyền lực của nhân dân. Điều 2, Hiến pháp 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định rõ:

“1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thực hiện mô hình tam quyền phân lập như trong các nước tư bản chủ nghĩa. Bởi lẽ, quyền lực nhà nước là thống nhất và thuộc về nhân dân. Do vậy, không thể phân chia quyền lực thống nhất của nhân dân cho ai

và bất cứ tổ chức nào. Hơn nữa, hình thức tam quyền phân lập có thể phù hợp với những nước mà trong nội bộ giai cấp thống trị có sự xung đột phe phái, hình thành các nhóm chính trị khác nhau. Điều này cho thấy tại sao khi lợi ích giai cấp bị đe dọa thì các phe phái, các nhóm chính trị này sẵn sàng thỏa hiệp với nhau. Trong khi đó, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự thống nhất giữa tính giai cấp của giai cấp công nhân với tính nhân dân. Nghĩa là nhà nước vừa đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, vừa đại diện cho lợi ích của toàn thể nhân dân. Do vậy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân “về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân”²³. Như vậy, mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là mô hình nhà nước kiêu mới vừa đáp ứng những giá trị phổ quát, vừa bao gồm những giá trị đặc thù Việt Nam và là hình thức tối ưu thực hiện quyền lực của nhân dân.

Bảy là, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở, căn cứ lý luận giúp Đảng ta xác định rõ dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức hiệu quả nhất phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình đi lên CNXH ở Việt Nam.

Đảng ta coi “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là

bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”²⁴. Cũng chính vì vậy mà xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ trọng yếu vừa trước mắt, thường xuyên, vừa lâu dài trên con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là quyền lực thuộc về nhân dân; nhân dân có quyền làm chủ thực tế trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như làm chủ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, v.v.. thông qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do nhân dân lập ra thông qua bỏ phiếu kín phổ thông; mọi cơ quan quyền lực nhà nước đều do nhân dân ủy quyền; mọi hoạt động của nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân; nhân dân có quyền bày tỏ sự tín nhiệm đối với các cơ quan nhà nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhân dân có quyền làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ việc quản lý kinh tế, làm chủ việc phân phối sản phẩm lao động; làm chủ việc sản xuất, kinh doanh theo pháp luật; nhân dân cũng có quyền tham gia quyết định các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội, các chỉ tiêu kinh tế, v.v.. Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, nhân dân có quyền làm chủ sự nghiệp xây dựng đời sống văn hóa mới, có quyền hưởng thụ những thành quả văn hóa, có quyền tham

gia quyết định các chủ trương, đường lối về phát triển văn hóa, xã hội, v.v.. Không phải ngẫu nhiên mà Đại hội XIII của Đảng lại rút ra bài học kinh nghiệm quý báu: “trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”²⁵.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong mô hình CNXH Việt Nam có sự thống nhất hữu cơ giữa tính giai cấp của giai cấp công nhân với tính nhân dân, tính dân tộc và tính nhân loại. Đồng thời, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mang bản chất nhân văn vì con người, cho con người. Nền dân chủ này cũng kế thừa toàn bộ tinh hoa dân chủ của dân tộc và nhân loại. Cũng chính vì vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không mâu thuẫn với tính pháp lý mà thống nhất với tính pháp lý. Do vậy, nó luôn gắn với tính pháp chế, kỷ cương, kỷ luật. Nó đối lập với vô chính phủ, vô tổ chức. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa yêu cầu phải phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế.

3. Kết luận

Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở, căn cứ lý

luyện giúp Đảng ta xác định đi lên CNXH là tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam; đồng thời là cơ sở giúp Đảng ta xử lý tốt quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù; xác định đúng nội hàm bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa trên con đường đi lên CNXH; xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường tối ưu để xây dựng cơ sở kinh tế của CNXH Việt Nam và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là hình thức nhà

nước tối ưu thực hiện quyền lực của nhân dân; xác định rõ dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức hiệu quả nhất phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên con đường đi lên CNXH. Trước thực tiễn đầy biến động như hiện nay cần quán triệt tốt quan điểm “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”²⁶ vào nhận thức con đường đi lên CNXH sao cho phù hợp thực tiễn Việt Nam ❖

^{1,2} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 4, tr.597, 613.

^{3, 5, 14, 24} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.69, 70, 70, 84-85.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 1, tr.496.

⁶ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 3, tr.51.

⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 18, tr.128.

⁸ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 4, tr.232.

⁹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tập 30, tr.160.

¹⁰ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 41, tr.96.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Hà Nội, 2011, tập 10, tr.391.

¹² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 19, tr.47.

¹³ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 39, tr.309-310.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.8.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr.84.

^{17, 20, 23} Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25, 25, 29

¹⁸ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.80.

^{19, 21, 22, 25, 26} Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.119, 128, 128-129, 96-97, 109.